

R

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
VIỆN KHOA HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI
ĐỀ TÀI KX.04.05.02

**LUẬN CỨ KHOA HỌC CHO VIỆC
ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI
ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

HÀ NỘI - NĂM 1994

TRUNG TÂM THÔNG TIN KINH TẾ
SỐ QUÂN QUẢN LÝ 2897-43
KHO QUẢN LÝ
CÔNG TỈNH NGHỆ AN

Đề tài: Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam (KX.04.05.02).

Thuộc đề tài cấp Nhà nước:

Luận cứ khoa học cho việc đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở Việt Nam (KX.04.05).

**Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Lao động và các vấn đề Xã hội
Bộ Lao động - Thương binh và xã hội**

BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

**Chủ nhiệm đề tài: Trần Quang Hùng - Cử nhân kinh tế
Phó Viện trưởng
Viện Khoa học Lao động và các vấn đề Xã hội**

**Thư ký đề tài: Mạc Văn Tiến - PTS. Kinh tế
Trưởng phòng Bảo hiểm Xã hội
Viện Khoa học Lao động và các vấn đề Xã hội**

Thành viên Ban chủ nhiệm đề tài:

- Nguyễn Huy Ban - Cử nhân luật
Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm Xã hội
Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
- Phạm Thành - PTS. Kinh tế
Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

CỘNG TÁC VIÊN CHÍNH

- Bùi Ngọc Quỳnh - Cử nhân kinh tế - Viện KHLĐ và các vấn đề XH
- Lê Thị Hà - Cử nhân kinh tế - Viện KHLĐ và các vấn đề XH
- Nguyễn Tín Nhiệm - Cử nhân kinh tế - Phó giám đốc Trung tâm Môi trường Viện KHLĐ và các vấn đề XH
- Trần Thị Đặng - Phân viện trưởng Phân viện KHLĐ và các vấn đề XH
Thành phố Hồ Chí Minh
- Đoàn Đình Nhiên - Phân viện KHLĐ và các vấn đề XH
Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN MỞ ĐẦU

Như nhiều người đã biết, mầm mống của bảo hiểm và bảo hiểm xã hội ra đời từ thế kỷ 13 ở Nam Âu, khi mà nền công nghiệp và kinh tế hàng hoá bắt đầu phát triển. Nửa cuối thế kỷ 19, ở Đức và vài nước công nghiệp phát triển ở châu Âu đã xuất hiện BHXH gần như chúng ta thấy ngày nay. Những thập kỷ đầu thế kỷ 20, BHXH đã lan ra hầu hết châu Âu và các nước Bắc Mỹ. Đến sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, BHXH có nhiều thay đổi về chất, phát triển phong phú, đa dạng ở hàng trăm nước trên thế giới, được Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế quan tâm.

Đối với nước ta, BHXH bắt đầu xuất hiện từ những năm 1930 do chính quyền thuộc địa của Pháp thực hiện đối với công chức và quân nhân Việt Nam hưởng lương phục vụ trong bộ máy hành chính và lực lượng vũ trang của Pháp ở Đông Dương, khi họ bị ốm đau, tuổi già hoặc chết.

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã sớm quan tâm đến vấn đề này. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, BHXH chỉ trở thành một trong những chính sách lớn và hiện thực ở nước ta khi "Điều lệ tạm thời về BHXH đối với CNVC Nhà nước" kèm theo Nghị định 218/CP, ngày 27/12/61 được ban hành.

Trải qua trên 30 năm thực hiện cho đến thời gian gần đây, các chế độ BHXH nói trên đã nhiều lần được bổ sung, sửa đổi theo sự thay đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Trong đó, lần sửa đổi, bổ sung quan trọng nhất là tháng 9 năm 1985 theo Nghị định 236/HĐBT khi Nhà nước tiến hành tổng điều chỉnh giá, lương, tiền. Tuy nhiên xét về bản chất, hệ thống BHXH vẫn không có gì thay đổi, vẫn được coi là sự đãi ngộ của Đảng và Nhà nước đối với CNVC trong biên chế của mình và được Nhà nước trực tiếp thực hiện bằng bộ máy hành chính và ngân sách Nhà nước. Khi nền kinh tế còn kém phát triển, ngân sách Nhà nước còn hạn hẹp thì diện đãi ngộ đó chưa thể mở rộng. Hơn nữa BHXH phải xen ghép rất nhiều chính sách đãi ngộ và chính sách xã hội khác, như: an dưỡng, điều dưỡng, du lịch, nghỉ mát, kế hoạch hoá gia đình, ưu đãi người có công v.v..

Quản lý Nhà nước về BHXH được nhập làm một với quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ BHXH cụ thể.

Trong bối cảnh lịch sử cụ thể mấy chục năm qua, hệ thống BHXH nói trên là một trong những thành tựu quan trọng mà chúng ta đã đạt được. Nó đã góp phần đắc lực vào việc bảo đảm đời sống cho CNVC Nhà nước và gia đình họ, động viên họ hăng hái lao động sản xuất, công tác và chiến đấu

chống ngoại xâm. Đồng thời, nó cũng tích cực góp phần vào việc thực hiện nhiều chính sách kinh tế - xã hội khác của Đảng và Nhà nước qua các giai đoạn phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được vừa nêu, hệ thống BHXH hiện hành cũng còn nhiều vấn đề tồn tại. Trước hết, hệ thống này vừa cứng nhắc vừa hạn hẹp trong phạm vi CNVC Nhà nước (chỉ chiếm xấp xỉ 12% tổng số lao động cả nước) nhưng lại rất tràn lan đối với nhiều người không đủ điều kiện hưởng. Các mối quan hệ cơ bản trong BHXH giữa người lao động, người sử dụng lao động với cơ quan BHXH và Nhà nước trong việc BHXH cho người lao động bị che lấp; quan hệ giữa nghĩa vụ với quyền lợi bị biến dạng; sự quản lý Nhà nước đối với BHXH ngày càng lỏng lẻo. Vì vậy, sự lạm dụng các chế độ BHXH và tâm lý ỷ lại, đòi hỏi Nhà nước ngày càng trầm trọng, nhiều bất hợp lý dẫn đến mâu thuẫn xã hội phát sinh.

Hiện nay cả nước đang thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN đang hình thành và phát triển. Quan hệ quốc tế trên nhiều mặt của đời sống xã hội cũng đang được mở rộng nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, các xí nghiệp quốc doanh đang chuyển sang cơ chế sản xuất kinh doanh gắn với thị trường. Kinh tế hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân trong nước và các đơn vị kinh tế liên danh với nước ngoài đang ngày một phát triển, kinh tế và lao động cũng đang thay đổi cơ cấu; số người thuê mướn lao động và số lao động đi làm thuê cũng đang tăng lên hàng ngày. Sự đổi mới cấu trúc kinh tế - xã hội và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội đương nhiên đòi hỏi các chính sách xã hội nói chung, BHXH nói riêng cũng phải đổi mới cho đồng bộ. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu đề tài: "Những luận cứ cho việc đổi mới chính sách BHXH đối với người lao động trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN" thuộc đề tài cấp Nhà nước KX.04.05 là hết sức cần thiết.

Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của đề tài là: đánh giá đúng thực trạng về các chính sách, chế độ về BHXH và việc thực hiện chúng lâu nay; nghiên cứu góp phần xây dựng và bổ sung hệ thống lý luận, phương pháp luận và hệ quan điểm về BHXH trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; luận chứng những nội dung cơ bản của BHXH và khả năng áp dụng vào thực tế Việt Nam giai đoạn 1996 - 2000; khuyến nghị với Nhà nước những phương hướng và giải pháp tổng thể làm cơ sở để bổ sung, hoàn thiện chính sách BHXH cho người lao động trong các thành phần kinh tế giai đoạn 1996 - 2000.

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên, Ban chủ nhiệm đề tài gồm các chuyên gia của Viện Khoa học Lao động và các vấn đề Xã hội, Vụ Bảo trợ xã hội, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã được hình thành. Đồng thời, có sự cộng tác, phối hợp trong quá trình nghiên cứu của nhiều chuyên gia thuộc nhiều cơ quan trong và ngoài Bộ Lao động - Thương binh và xã hội như: Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam, trường Đại học kinh tế quốc dân, Phân viện Khoa học lao động và các vấn đề xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh, BHXH Hà Nội, BHXH thành phố Hồ Chí Minh và một số Sở Lao động - Thương binh xã hội trên cả hai miền đất nước.

Để tiến hành nghiên cứu có kết quả, Ban chủ nhiệm đề tài cho rằng trước hết cần thấy rõ BHXH là một hệ thống phức tạp gồm nhiều bộ phận cơ bản cấu thành với những mối quan hệ chặt chẽ. Hệ thống đó luôn luôn tồn tại và vận động trong những điều kiện và môi trường kinh tế, chính trị, xã hội cụ thể của đất nước. Vì vậy, phải tiếp cận, nghiên cứu vấn đề BHXH theo quan điểm hệ thống, đồng bộ: đồng thời phải tiến hành khảo sát thực tế để khái quát hoá và trừu tượng hoá các vấn đề về BHXH từ thực tế cuộc sống Việt Nam với cấu trúc kinh tế - xã hội và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội đang đổi mới hàng ngày. Nhưng thực tế Việt Nam rất phong phú, đời ngũ những người lao động Việt Nam rất đông đảo và việc nghiên cứu BHXH thích hợp đối với tính chất từng loại lao động là rất phức tạp. Trong khi đó, điều kiện để nghiên cứu đề tài lại chỉ có hạn, cho nên cần tập trung sức nghiên cứu BHXH trước hết cho viên chức Nhà nước và những người lao động có quan hệ lao động.

Để nghiên cứu có kết quả còn phải hết sức coi trọng việc kế thừa biện chứng những thành tựu về BHXH trong nền kinh tế hàng hoá của xã hội loài người đã tích lũy được hàng trăm năm nay; kế thừa những nhân tố hợp lý của hệ thống BHXH trong và ngoài Viện Khoa học Lao động và các vấn đề Xã hội mấy năm gần đây.

Những vấn đề nêu trên chính là những quan điểm tiếp cận nghiên cứu vấn đề BHXH của Ban chủ nhiệm đề tài. Theo những quan điểm đó, mọi tài liệu về BHXH trong, ngoài nước có thể thu thập thì đã được thu thập nghiên cứu; tài liệu BHXH của trên 140 nước và của Tổ chức quốc tế về Lao động (ILO) do Pháp, Nga và ILO cung cấp đã được tham khảo, nhiều cuộc điều tra thống kê, điều tra xã hội học và khảo sát thu thập số liệu cần thiết ở một số Viện nghiên cứu, trường đại học, ở nhiều cơ quan trung ương liên quan, ở 24 tỉnh, thành phố, trên 100 xí nghiệp, hợp tác xã và hàng ngàn người lao động ở cả hai miền đất nước đã được tiến hành. Đồng thời, còn chi phí bổ sung để tận dụng kết quả điều tra lao động - xã hội của Viện Khoa học Lao động và

các vấn đề Xã hội ở hai vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ. Ngoài ra, còn tổ chức và tham gia nhiều cuộc hội thảo khoa học lớn (quốc gia) về BHXH ở cả miền Bắc và miền Nam, tập hợp được nhiều ý kiến của nhiều nhà quản lý, nhiều cán bộ hoạt động thực tiễn và nhiều chuyên gia thuộc các ngành kinh tế, tài chính, xã hội học, y học, sinh học, luật học.

Sau hơn hai năm nghiên cứu, đến nay cả 10 nhánh của đề tài đã cơ bản hoàn thành và được trình bày thành những phần chính sau đây:

Phân mở đầu

Phần I : Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận về BHXH.

Phần II : Thực trạng về BHXH và nhu cầu BHXH ở Việt Nam.

Phần III : Những cơ sở để đổi mới BHXH ở Việt Nam

Phần khuyến nghị một số giải pháp đổi mới BHXH ở Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội đối với mọi người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là vấn đề hết sức phức tạp, để nhận thức và áp dụng vào thực tiễn Việt Nam ngày càng đầy đủ, đúng đắn đòi hỏi phải có một quá trình lâu dài. Vì vậy, những kết quả nghiên cứu của đề tài KX.04.05.02 mới chỉ là bước đầu và rất cần có nhiều công trình nghiên cứu tiếp theo về BHXH với những nội dung và phạm vi khác nhau.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đạt được vẫn là kết tinh những cố gắng của tập thể nhiều người tham gia nghiên cứu. Bởi vậy, Ban chủ nhiệm đề tài xin chân thành cảm ơn tất cả các cộng tác viên, các cơ quan trong và ngoài Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã có những đóng góp quý báu cho đề tài.

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN
VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XHCN

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BHXH

1. Khái niệm về đối tượng BHXH

Con người muốn tồn tại và phát triển, trước hết phải ăn, mặc, ở v.v. Để có cái ăn, mặc, ở, người ta phải lao động làm ra những sản phẩm cần thiết. Khi sản phẩm tạo ra ngày càng nhiều thì đời sống con người ngày càng đầy đủ, văn minh. Nghĩa là, việc thỏa mãn những nhu cầu sinh sống và phát triển của con người phụ thuộc vào khả năng lao động của chính họ, nhưng con người, ai cũng có quá trình sinh ra, trưởng thành, già rồi chết. Khi còn nhỏ chưa thể lao động được thì chắc chắn phải dựa vào những người đã trưởng thành nuôi dưỡng. Khi đã trưởng thành thì phải lao động để tự nuôi sống mình và những người phụ thuộc. Nhưng trong thực tế, không phải lúc nào con người cũng chỉ gặp thuận lợi, có đầy đủ thu nhập và mọi điều kiện sinh sống bình thường. Trái lại, có rất nhiều trường hợp khó khăn, bất lợi, ít nhiều ngẫu nhiên phát sinh làm cho người ta bị giảm hoặc mất thu nhập hoặc các điều kiện sinh sống khác. Chẳng hạn, bất ngờ bị ốm đau, tai nạn, mất khả năng nuôi dưỡng, hoặc khi tuổi già, khả năng lao động và khả năng tự phục vụ đều suy giảm.

Khi rơi vào các trường hợp bị giảm hoặc mất khả năng lao động nói trên, các nhu cầu cần thiết của cuộc sống không vì thế mà mất đi. Trái lại, có cái còn tăng lên, thậm chí, có thể xuất hiện thêm nhu cầu mới, như khi ốm đau sẽ rất cần được chữa bệnh v.v. Bởi vậy, muốn tồn tại, con người và xã hội loài người phải tìm ra và thực tế đã tìm ra nhiều cách giải quyết khác nhau.

Trong xã hội công xã nguyên thủy, do chưa có tư hữu tư liệu sản xuất, mọi người cùng nhau hái lượm, săn bắn, sản phẩm thu được phân phối bình quân nên khó khăn, bất lợi của mỗi người được cả cộng đồng san sẻ, gánh chịu. Trong xã hội phong kiến, quan lại thì dựa vào chế độ bổng, lộc của nhà vua; dân cư thì dựa vào sự đùm bọc lẫn nhau trong họ hàng, cộng đồng làng, xã, hoặc sự cứu giúp của những người hảo tâm và của Nhà nước. Ngoài ra, họ còn có thể đi vay hoặc đi xin. Với những cách này, người gặp khó khăn hoàn toàn thụ động trông chờ vào sự hảo tâm của phía giúp đỡ. do vậy, sự

giúp đỡ mới chỉ là khả năng, có thể có hoặc không, có thể nhiều hoặc ít, không hoàn toàn chắc chắn.

Từ khi nền công nghiệp và kinh tế hàng hoá phát triển, xuất hiện việc thuê mướn nhân công, lúc đầu người chủ chỉ cam kết trả công lao động. Dần dần về sau, phải cam kết cả việc bảo đảm cho người làm thuê có một số thu nhập nhất định để họ trang trải những nhu cầu sinh sống thiết yếu khi họ ốm đau, tai nạn, thai sản, tuổi già v.v. Trong thực tế, nhiều khi các trường hợp trên không xảy ra nên người chủ không phải chi một đồng tiền nào. Nhưng cũng có khi lại xảy ra dồn dập, buộc người chủ phải bỏ ra một lúc nhiều khoản tiền lớn mà họ không muốn. Vì thế, giới thợ phải liên kết với nhau để đấu tranh buộc giới chủ phải thực hiện những điều cam kết. Cuộc đấu tranh này diễn ra ngày càng rộng lớn và đã tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Dần dần, trong cơ chế thị trường đã xuất hiện một bên thứ ba đóng vai trò trung gian giúp thực hiện những cam kết giữa giới chủ và giới thợ bằng hoạt động thích hợp của nó. Nhờ vậy, thay vì cho việc phải chi trực tiếp những khoản tiền lớn khi người lao động làm thuê bị ốm đau, tai nạn, giới chủ có thể trích ra hàng tháng một khoản tiền nhỏ nhỏ được tính toán chặt chẽ dựa trên cơ sở xác suất những biến cố của tập hợp những người lao động làm thuê. Số tiền này được giao cho bên thứ ba tồn tích dần hành một quỹ tiền tệ. Khi người lao động bị ốm đau, tai nạn thì cứ theo cam kết chi trả, không phụ thuộc vào giới chủ có muốn hay không. làm như thế một mặt, giới chủ đỡ bị thiệt hại về kinh tế do không phải chi một lúc những khoản tiền lớn. Mặt khác, người lao động làm thuê được bảo đảm chắc chắn một phần thu nhập khi bị ốm đau, tai nạn. Nhưng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, không ai có thể dự tính hết được mọi khía cạnh, nhiều trường hợp rủi ro xảy ra vượt quá khả năng khắc phục của một ông chủ. Để tồn tại, các ông chủ cũng phải tìm cách liên kết với nhau trong việc chống lại áp lực đấu tranh của giới thợ, đồng thời, cũng để san sẻ gánh nặng rủi ro với nhau. Song trong thực tế, vấn đề lợi ích luôn luôn vận động với tất cả những khía cạnh phức tạp của nó. Giới thợ luôn luôn mong muốn được bảo đảm nhiều hơn trước tình hình kinh tế - xã hội phát triển, còn giới chủ thì lại luôn luôn mong muốn phải chi ít hơn, tức là phải đảm bảo cho giới thợ ít hơn, nên tranh chấp chủ - thợ lại tiếp diễn. Trước tình hình như thế, Nhà nước đã phải can thiệp, điều chỉnh. Sự can thiệp này, một mặt làm tăng vai trò của Nhà nước, giới chủ buộc phải đóng góp thêm, đồng thời giới thợ cũng phải đóng góp một phần vào sự bảo đảm cho chính mình, cả giới chủ và giới thợ đều thấy mình có lợi và được bảo vệ. Mặt khác, Nhà nước lại tăng chi tiêu ngân sách. Song chính là nhờ những mối quan hệ ràng buộc như vậy mà rủi ro, bất lợi của người lao động được dàn trải theo nhiều chiều, một quỹ tiền tệ tập trung trên phạm vi quốc

gia nhằm bảo đảm đời sống cho người lao động khi bị ốm đau, tai nạn, tuổi già v.v. được thiết lập. Nhờ vậy, đã tạo ra khả năng giải quyết các phát sinh rủi ro, bất lợi lớn nhất với một tổng dự trữ nhỏ nhất, trên cơ sở xác suất phát sinh rủi ro của cả tập hợp người lao động trong phạm vi bao quát của quỹ.

Toàn bộ những hoạt động với những mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ như trên, được thể giới quan niệm là BHXH đối với người lao động. Như vậy, nếu tạm gác sang một bên những biểu hiện cụ thể, chi tiết, dẫn đến những nhận thức còn hết sức khác nhau để đi vào thực chất của vấn đề như đã được khái quát ở trên thì có thể nêu ra khái niệm về BHXH. Vậy BHXH chính là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập đối với người lao động khi họ gặp phải những biến cố làm giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm, bằng cách hình thành và sử dụng một quỹ tài chính tập trung do sự đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động, nhằm bảo đảm an toàn đời sống cho người lao động và gia đình họ, góp phần bảo đảm an toàn xã hội.

Những biến cố làm giảm hoặc mất thu nhập của người lao động, trong khái niệm về BHXH trên đây là những rủi ro ngẫu nhiên trái với ý muốn chủ quan gắn với quá trình lao động và được nhìn nhận không chỉ trên cơ sở quan hệ lao động mà cả trên quan điểm xã hội. Nó bao gồm những trường hợp bị mất việc làm, mất hoặc giảm khả năng làm việc trong quá trình lao động, như ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, và cả những trường hợp liên quan diễn ra ngoài quá trình đó, như mất người nuôi dưỡng, tàn tật không do tai nạn lao động. Đồng thời, BHXH cũng đảm nhiệm những trường hợp xảy ra không hoàn toàn ngẫu nhiên như tuổi già, thai sản làm tăng chi tiêu đột ngột. Bởi vì, xét cho cùng thì việc tăng chi tiêu đột ngột trong những trường hợp như thế sẽ làm sụt ngân sách gia đình trên đầu người và làm giảm khả năng thanh toán của người lao động đối với những nhu cầu sinh sống thiết yếu từ thu nhập theo lao động.

BHXH trong nền kinh tế thị trường tồn tại, hoạt động và phát triển dựa trên mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ giữa người sử dụng lao động với người lao động thông qua một bên thứ ba - tổ chức BHXH chuyên trách, dưới sự bảo trợ đặc biệt của Nhà nước. Mối quan hệ đó được thể hiện ở sự đóng góp có tính chất bắt buộc của người sử dụng lao động và người lao động cho cơ quan BHXH để tồn tích dần thành một quỹ tài chính độc lập, tập trung đủ bảo đảm một cách ổn định và chắc chắn cho mọi hoạt động của BHXH đối với người lao động. Trong đó, sự đóng góp của người sử dụng lao động là để bảo hiểm cho người lao động mà mình sử dụng, sự đóng góp của người lao động là để bảo hiểm cho chính mình, còn cơ quan BHXH nhận sự đóng góp đó là

nhận trách nhiệm bảo hiểm đối với người lao động và trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ tài chính tập trung, độc lập nói trên để thực hiện mọi công việc về BHXH đối với người lao động theo luật định.

Mối quan hệ có tính chất nền tảng của BHXH cùng với những hình thức biểu hiện và cơ chế thực hiện nó như trình bày trên đây chính là những đặc trưng riêng có của BHXH. Những đặc trưng này quyết định sự tồn tại, hoạt động và phát triển của BHXH một cách ổn định và bền vững.

Tất cả những khía cạnh đã nêu cho thấy, BHXH sinh ra là để tác động vào thu nhập theo lao động của người lao động tham gia BHXH. Nói cách khác, BHXH là hệ thống bảo đảm khoản thu nhập thay thế cho người lao động trong các trường hợp bị giảm hoặc mất khả năng lao động hay mất việc làm, do đó bị mất hoặc giảm khoản thu nhập được thay thế nhằm bảo đảm thỏa mãn những nhu cầu sinh sống thiết yếu cho họ. Như vậy, đối tượng của BHXH chính là thu nhập bị biến động giảm hoặc mất do bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm của những người lao động tham gia BHXH.

2. Cơ sở khoa học của BHXH

Như đã nói trên, BHXH xuất hiện dựa trên những mối quan hệ đặc trưng của sự phát triển công nghiệp và nền kinh tế hàng hoá như quan hệ lao động, quan hệ tài chính, quan hệ cung cầu v.v. nhằm thỏa mãn những nhu cầu sinh sống thiết yếu của người lao động trong những trường hợp bị mất hoặc giảm thu nhập do bị mất hoặc giảm khả năng lao động hay bị mất việc làm. Trong đó, các mối quan hệ đã nêu là môi trường và điều kiện, còn nhu cầu sinh sống thiết yếu là cái quyết định mức độ và phương thức BHXH. Vậy nhu cầu sinh sống thiết yếu là như thế nào?

Thông thường người ta có rất nhiều nhu cầu. Ngoài những nhu cầu chung nhất hoặc phân chung nhất của các nhu cầu mà ai cũng có một cách khách quan, còn có những nhu cầu riêng hoặc phân riêng của các nhu cầu mang nặng dấu ấn cá nhân hay nhóm xã hội nhất định. Tất cả những nhu cầu này thường được xếp thành các loại thiết yếu và ít thiết yếu hơn theo thứ bậc giảm dần. Tùy khả năng thanh toán, người ta tìm cách thỏa mãn các nhu cầu của mình ở các mức khác nhau cũng theo thứ bậc đó. Chẳng hạn, trước hết người ta ưu tiên thỏa mãn các nhu cầu ăn, mặc, ở rồi mới đến các nhu cầu giải trí, du lịch v.v. Mỗi nhu cầu lại thường có mức thiết yếu hoặc tối thiểu. Khi mức thiết yếu hoặc tối thiểu được thỏa mãn rồi thì mới có thể nghĩ đến việc nâng cao mức thỏa mãn lên. Bởi vậy, khi thu nhập thấp, thì phần ngân